



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 15 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Nguyễn Minh Khoa
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực – điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 5 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 12 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 29 tháng 5 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00213-19-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.166.996.026.446	10.985.778.871.754
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	254.369.998.357	171.659.888.989
Tiền	111		254.226.476.482	171.516.367.114
Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	143.521.875
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		270.387.032	270.387.032
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	270.387.032	270.387.032
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.835.622.862.751	7.860.565.817.787
Phải thu của khách hàng	131	9	5.521.852.158.398	7.163.248.999.755
Trả trước cho người bán	132	10	108.062.264.276	184.158.011.340
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(a)	-	3.660.295.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	211.632.931.642	515.431.702.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.924.491.565)	(5.933.191.565)
Hàng tồn kho	140	13	2.008.624.438.437	1.787.890.736.309
Hàng tồn kho	141		2.027.840.604.598	1.806.472.903.289
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.216.166.161)	(18.582.166.980)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.068.108.339.869	1.165.392.041.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	94.433.259.162	75.749.637.153
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		962.277.067.390	1.063.819.898.124
Thuế phải thu Nhà nước	153	22(b)	11.398.013.317	25.822.506.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.447.638.760.255	5.257.822.222.584
Các khoản phải thu dài hạn	210		220.312.973.799	268.984.943.607
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	60.056.017.357	66.686.721.457
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	160.256.956.442	202.298.222.150
Tài sản cố định	220		1.844.253.416.330	1.961.681.186.678
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.551.173.639.308	1.591.695.704.971
Nguyên giá	222		3.355.888.519.917	3.260.932.231.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.804.714.880.609)	(1.669.236.526.992)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	69.883.100.371	81.263.218.413
Nguyên giá	225		90.505.310.094	98.947.748.174
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.622.209.723)	(17.684.529.761)
Tài sản cố định vô hình	227	16	223.196.676.651	288.722.263.294
Nguyên giá	228		259.599.505.310	320.066.755.310
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.402.828.659)	(31.344.492.016)
Tài sản dở dang dài hạn	240		25.740.114.654	28.307.339.690
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	25.740.114.654	28.307.339.690
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.153.675.646.684	2.769.445.646.684
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	3.152.121.000.000	2.677.776.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	8(b)	-	43.515.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(b)	(13.445.353.316)	(13.445.353.316)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	15.000.000.000	61.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		203.656.608.788	229.403.105.925
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	178.423.641.484	207.352.425.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	25.232.967.304	22.050.680.527
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.614.634.786.701	16.243.601.094.338

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.100.334.602.964	10.859.529.755.393
Nợ ngắn hạn	310		9.046.740.086.934	10.785.335.064.915
Phải trả người bán	311	20	1.364.896.330.902	1.111.659.624.255
Người mua trả tiền trước	312	21	235.445.266.955	199.065.234.433
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22(a)	48.600.005.757	49.437.391.726
Phải trả người lao động	314		30.721.318.242	63.430.563.768
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	73.904.945.929	117.856.182.101
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	379.350.124.824	191.432.011.486
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a)	6.867.821.344.654	9.010.977.033.379
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	46.000.749.671	41.477.023.767
Nợ dài hạn	330		53.594.516.030	74.194.690.478
Phải trả dài hạn khác	337		336.600.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	50.416.065.280	71.352.839.728
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	2.841.850.750	2.841.850.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.514.300.183.737	5.384.071.338.945
Vốn chủ sở hữu	410	28	5.514.300.183.737	5.384.071.338.945
Vốn cổ phần	411	29	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(1.615.000.000)	(1.343.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		57.785.400.259	60.509.750.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.456.643.319.957	1.323.418.124.868
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.313.187.273.920	818.143.985.703
- LNST chưa phân phối trong kỳ	421b		143.456.046.037	505.274.139.165
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.614.634.786.701	16.243.601.094.338

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2019 VND	31/3/2018 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	22.802.933.544.086	29.345.419.687.079
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	16.452.143.028	99.693.211.691
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	22.786.481.401.058	29.245.726.475.388
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	21.771.560.225.005	27.650.926.671.954
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.014.921.176.053	1.594.799.803.434
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	30.509.304.519	30.508.451.179
Chi phí tài chính	22	34	232.490.037.684	235.185.827.218
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		214.016.646.350	228.290.720.096
Chi phí bán hàng	25	35	720.861.167.575	802.371.497.882
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	143.955.581.680	233.379.848.287
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(51.876.306.367)	354.371.081.226
Thu nhập khác	31	37	239.978.744.695	25.741.719.577
Chi phí khác	32		3.297.752.381	979.313.029
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		236.680.992.314	24.762.406.548
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		184.804.685.947	379.133.487.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	44.530.926.687	72.504.669.041
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	(3.182.286.777)	11.563.364.233
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		143.456.046.037	295.065.454.500

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	184.804.685.947	379.133.487.774
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	174.587.241.053	153.632.103.689
Các khoản dự phòng	03	625.299.181	(42.399.872.678)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.697.514.005)	11.944.096.959
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(148.943.410.251)	(18.830.802.221)
Chi phí lãi vay	06	214.016.646.350	228.290.720.096
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	421.392.948.275	711.769.733.619
Biến động các khoản phải thu	09	1.396.746.752.956	(2.170.516.916.118)
Biến động hàng tồn kho	10	(221.367.701.309)	1.241.844.357.389
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	749.746.941.981	(1.867.501.089.594)
Biến động chi phí trả trước	12	10.935.918.597	(27.496.934.287)
		2.357.454.860.500	(2.111.900.848.991)
Tiền lãi vay đã trả	14	(218.742.878.499)	(226.433.478.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.968.726.058)	(84.759.374.895)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.144.880.866)	(48.897.038.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.099.598.375.077	(2.471.990.740.449)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(160.492.721.678)	(136.047.156.786)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	247.410.587.921	77.583.316.413
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(19.740.000.000)	-
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	76.631.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25	(12.266.000.000)	(214.672.266.449)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	13.585.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.239.027.976	8.204.987.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	143.781.894.219	(251.346.119.229)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(272.000.000)	(543.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		8.787.722.508.437	14.071.743.354.343
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.928.830.882.345)	(11.463.595.633.358)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(18.408.649.264)	(2.425.433.770)
Tiền trả cổ tức	36		(171.530.900)	(293.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.159.960.554.072)	2.604.885.775.215
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		83.419.715.224	(118.451.084.463)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		171.659.888.989	239.918.988.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(709.605.856)	(2.078.897.694)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	254.369.998.357	119.389.006.364

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
thường trực – điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có 17 công ty con (1/10/2018: 15 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 8(b).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có 4.259 nhân viên (1/10/2018: 4.406 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 25). Hơn nữa, trong kỳ, giá cổ phiếu của Công ty giảm từ 11.550 VND/cổ phiếu xuống 8.500 VND/cổ phiếu. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty có đủ dòng tiền từ các hoạt động cũng như sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính của các tổ chức tín dụng và cổ đông lớn.

Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc để cải thiện tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tiếp tục tìm thêm các nguồn tài chính cần thiết. Cổ đông lớn của Công ty đã đồng ý tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng các tổ chức tín dụng và cổ đông lớn sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f) (ii).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) *Vốn cổ phần*

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế.

(ii) *Thặng dư vốn cổ phần*

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và các sản phẩm liên quan; Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019			
Doanh thu	18.030.598.890.120	4.755.882.510.938	22.786.481.401.058
Giá vốn	(17.167.760.805.175)	(4.603.799.419.830)	(21.771.560.225.005)
	862.838.084.945	152.083.091.108	1.014.921.176.053
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018			
Doanh thu	23.288.418.427.656	5.957.308.047.732	29.245.726.475.388
Giá vốn	(22.266.586.924.911)	(5.384.339.747.043)	(27.650.926.671.954)
	1.021.831.502.745	572.968.300.689	1.594.799.803.434

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Tiền mặt	55.969.806.018	48.240.229.076
Tiền gửi ngân hàng	198.247.668.546	122.549.584.478
Tiền đang chuyển	9.001.918	726.553.560
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
	254.369.998.357	171.659.888.989

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là 5% (1/10/2018: 5%).

8. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 5,3% (1/10/2018: 5,3%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 toàn bộ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (1/10/2018: 270 triệu VND) được cầm cố tại ngân hàng.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành (**)	-	46.600.000.000
	15.000.000.000	61.600.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2018: 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1% tại ngày 1 tháng 10 năm 2018. Trong kỳ, trái phiếu đã được thanh lý toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2019			1/10/2018		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	420.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100%	150.000.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95%	114.000.000.000	-	70%	84.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100%	16.276.000.000	-	100%	16.276.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	15.000.000.000	-	100%	15.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	4.000.000.000	-	100%	4.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	3.500.000.000	-	100%	3.500.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (i)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (ii)	100%	-	-	100%	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/3/2019		1/10/2018			
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	99%	61.380.000.000	(13.445.353.316)	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	95%	32.965.000.000	-	-	-	-
		<u>3.152.121.000.000</u>	<u>(13.445.353.316)</u>		<u>2.677.776.000.000</u>	<u>-</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	-	-	45%	27.900.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	-	-	-	45%	15.615.000.000	(13.445.353.316)
		<u>-</u>	<u>-</u>		<u>43.515.000.000</u>	<u>(13.445.353.316)</u>
		<u>3.152.121.000.000</u>	<u>(13.445.353.316)</u>		<u>2.721.291.000.000</u>	<u>(13.445.353.316)</u>

(i) Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4500607960 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận.

(ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4500607946 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	13.445.353.316	35.933.075.667
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(35.933.075.667)
Số dư cuối kỳ	13.445.353.316	-

9. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.223.066.522.130	1.200.868.459.695
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.059.251.295.003	2.274.374.701.634
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.006.168.345.299	1.307.539.434.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	922.223.284.145	570.934.978.238
Các khách hàng khác	1.311.142.711.821	1.809.531.425.658
	5.521.852.158.398	7.163.248.999.755

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị VND 2.300.000 triệu VND (1/10/2018: 570.000 triệu VND nợ phải thu và 2.300.000 triệu VND nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.223.066.522.130	1.200.868.459.695
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.059.251.295.003	2.274.374.701.634
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.006.168.345.299	1.307.539.434.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	922.223.284.145	570.934.978.238

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty con (tiếp theo)</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	201.085.005.032	291.904.280.843
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	-	15.062.949.385
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	135.885.999.958	775.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

10. Trả trước cho người bán

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	82.972.011.197	141.210.746.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	7.611.927.079	3.089.692.968
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	46.569.785	425.516.000
Các nhà cung cấp khác	17.431.756.215	39.432.055.972
	108.062.264.276	184.158.011.340

11. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – một công ty con	-	3.660.295.900

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 5,3% (1/10/2018: 5,3%). Trong kỳ, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã được thu hồi toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – một công ty con (*)	54.786.721.457	66.686.721.457
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – một công ty con (**)	5.269.295.900	-
	<hr/>	<hr/>
	60.056.017.357	66.686.721.457
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2018: 8%).

(**) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 9%.

12. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	358.392.102.244
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho người lao động	46.277.950.133	27.619.762.719
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	14.928.557.806	15.665.290.474
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	1.493.827.291	6.990.313.620
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.242.805.358	5.713.929.000
Phải thu khác	8.227.566.054	10.867.077.300
	<hr/>	<hr/>
	211.632.931.642	515.431.702.357
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	958.247.656	6.654.971.231
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	923.312.250	923.312.250
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	535.579.635	335.342.389
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	86.265.000	118.970.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	16.000.000	13.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	16.000.000	13.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	-	161.600.175.097
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	144.875.735.339
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	34.568.169.073
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	11.529.995.357
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	5.818.027.378
Nhân sự chủ chốt		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	91.550.690.256

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	160.051.956.442	202.093.222.150
Ký quỹ, ký cược dài hạn	205.000.000	205.000.000
	160.256.956.442	202.298.222.150

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/3/2019		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.556.763.103	-	47.688.056.628	-
Nguyên vật liệu	115.065.134.842	-	296.974.292.857	-
Công cụ và dụng cụ	197.745.015.657	-	215.430.530.762	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	17.520.962	-
Thành phẩm	889.146.106.350	(15.093.592.255)	734.738.921.821	(18.256.823.977)
Hàng hóa	800.327.584.646	(4.122.573.906)	511.623.580.259	(325.343.003)
	2.027.840.604.598	(19.216.166.161)	1.806.472.903.289	(18.582.166.980)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.642.616 triệu VND (1/10/2018: 1.229.353 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 có 171.724 triệu VND thành phẩm và 174.405 triệu VND hàng hóa (1/10/2018: 203.965 triệu VND thành phẩm và 4.470 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	18.582.166.980	22.786.661.832
Dự phòng trích lập trong kỳ	633.999.181	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(6.866.797.011)
Số dư cuối kỳ	19.216.166.161	15.919.864.821

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	497.172.422.439	2.389.712.238.559	307.161.463.198	47.326.150.145	19.559.957.622	3.260.932.231.963
Tăng trong kỳ	255.370.000	134.977.694.487	2.657.188.816	7.769.630.948	-	145.659.884.251
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.437.150.913	6.962.911.550	-	-	17.400.062.463
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	8.442.438.080	-	-	-	8.442.438.080
Phân loại (sang)/từ chi phí trả trước đài hạn	(648.065.313)	103.876.225	-	-	-	(544.189.088)
Thanh lý	(2.894.040.540)	(52.844.990.259)	(20.262.876.953)	-	-	(76.001.907.752)
Số dư cuối kỳ	493.885.686.586	2.490.828.408.005	296.518.686.611	55.095.781.093	19.559.957.622	3.355.888.519.917
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	238.203.644.568	1.268.069.877.834	128.649.091.370	16.110.193.040	18.203.720.180	1.669.236.526.992
Khấu hao trong kỳ	12.963.846.049	127.303.849.208	16.468.688.254	4.163.406.392	679.627.970	161.579.417.873
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	5.011.806.575	-	-	-	5.011.806.575
Phân loại (sang)/từ chi phí trả trước đài hạn	(98.901.716)	245.469.320	-	-	-	146.567.604
Thanh lý	(2.626.213.129)	(21.266.194.839)	(7.367.030.467)	-	-	(31.259.438.435)
Số dư cuối kỳ	248.442.375.772	1.379.364.808.098	137.750.749.157	20.273.599.432	18.883.348.150	1.804.714.880.609
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	258.968.777.871	1.121.642.360.725	178.512.371.828	31.215.957.105	1.356.237.442	1.591.695.704.971
Số dư cuối kỳ	245.443.310.814	1.111.463.599.907	158.767.937.454	34.822.181.661	676.609.472	1.551.173.639.308

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 399.067 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/10/2018: 375.601 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 422.428 triệu VND (1/10/2018: 740.876 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	32.267.433.454	48.043.951.084	18.636.363.636	98.947.748.174
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.442.438.080)	-	-	(8.442.438.080)
Số dư cuối kỳ	23.824.995.374	48.043.951.084	18.636.363.636	90.505.310.094
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	11.513.583.443	5.961.606.343	209.339.975	17.684.529.761
Khấu hao trong kỳ	3.258.140.356	3.762.080.925	929.265.256	7.949.486.537
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.011.806.575)	-	-	(5.011.806.575)
Số dư cuối kỳ	9.759.917.224	9.723.687.268	1.138.605.231	20.622.209.723
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	20.753.850.011	42.082.344.741	18.427.023.661	81.263.218.413
Số dư cuối kỳ	14.065.078.150	38.320.263.816	17.497.758.405	69.883.100.371

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	273.943.659.765	46.123.095.545	320.066.755.310
Thanh lý	(60.467.250.000)	-	(60.467.250.000)
Số dư cuối kỳ	213.476.409.765	46.123.095.545	259.599.505.310
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	23.802.306.103	7.542.185.913	31.344.492.016
Khấu hao trong kỳ	1.273.039.849	3.785.296.794	5.058.336.643
Số dư cuối kỳ	25.075.345.952	11.327.482.707	36.402.828.659
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	250.141.353.662	38.580.909.632	288.722.263.294
Số dư cuối kỳ	188.401.063.813	34.795.612.838	223.196.676.651

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 1.801 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/10/2018: 1.801 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 57.543 triệu VND (1/10/2018: 100.775 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	28.307.339.690	247.666.367.726
Tăng trong kỳ	23.772.904.378	23.475.028.090
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.400.062.463)	(253.444.163.422)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.464.000.000)	(7.960.398.864)
Thanh lý	(476.066.951)	(332.825.829)
Số dư cuối kỳ	25.740.114.654	9.404.007.701

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	19.165.390.452	23.206.143.020
Chi phí xây dựng	1.472.949.719	1.932.316.670
Khác	5.101.774.483	3.168.880.000
	25.740.114.654	28.307.339.690

18. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	29.522.422.271	26.163.164.737
Chi phí tiền thuê	45.061.891.967	24.362.401.677
Công cụ và dụng cụ	5.103.348.652	9.308.630.023
Chi phí tư vấn	2.558.853.010	2.765.970.828
Chi phí sửa chữa	2.439.821.481	2.577.195.640
Trả trước phí bảo hiểm	2.205.869.777	1.679.401.673
Chi phí khác	7.541.052.004	8.892.872.575
	94.433.259.162	75.749.637.153

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Bảng hiệu quảng cáo	50.020.993.874	47.986.279.155
Công cụ và dụng cụ	47.902.408.434	57.397.992.492
Chi phí tiền thuê	44.931.906.265	67.919.903.057
Chi phí sửa chữa	19.021.931.856	23.626.356.355
Chi phí khác	16.546.401.055	10.421.894.339
	178.423.641.484	207.352.425.398

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	207.352.425.398	216.697.658.464
Tăng trong kỳ	42.679.840.382	71.263.761.317
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	690.756.692	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.464.000.000	7.960.398.864
Phân bổ trong kỳ	(80.763.380.988)	(69.748.518.184)
	178.423.641.484	226.173.300.461

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	8.330.571.146	12.107.935.853
▪ Các khoản dự phòng	20%	7.717.202.208	7.592.142.372
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	7.014.458.459	582.741.890
▪ Chênh lệch tỷ giá	20%	1.381.041.134	714.348.043
▪ Khác	20%	789.694.357	1.053.512.369
		25.232.967.304	22.050.680.527

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	609.392.289.013	336.200.056.889
Công ty Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	258.921.987.280	199.152.165.080
Hangzhou Cogeneration (HongKong) Co, LTD	-	191.161.898.608
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	57.979.230.144	137.214.608.808
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội		
- Bình Định	157.181.620.907	61.292.574.787
Các nhà cung cấp khác	281.421.203.558	186.638.320.083
	<hr/>	<hr/>
	1.364.896.330.902	1.111.659.624.255

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	609.392.289.013	336.200.056.889
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội		
- Bình Định	157.181.620.907	61.292.574.787
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	57.979.230.144	137.214.608.808
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	44.895.353.044	36.513.309.235
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	12.722.009.821	15.599.670.164
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	6.896.396.011	4.264.268.660
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	7.781.060	52.819.936

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Người mua trả tiền trước

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định – một công ty con	91.479.785.662	85.962.064.553
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen – bên liên quan khác	-	7.646.976.355
Các nhà cung cấp khác	143.965.481.293	105.456.193.525
	<hr/>	<hr/>
	235.445.266.955	199.065.234.433
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cán trừ VND	Phân loại VND	31/3/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	47.404.709.014	2.521.157.028.130	(523.768.455.668)	(1.997.816.546.913)	-	46.976.734.563
Thuế xuất nhập khẩu	428.139.298	1.242.617.100	(1.365.758.599)	-	-	304.997.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	44.530.926.687	(28.968.726.058)	-	(15.562.200.629)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.603.969.286	5.217.343.924	(6.743.431.341)	-	1.137.707.586	1.215.589.455
Các loại thuế khác	574.128	1.766.461.097	(1.664.351.285)	-	-	102.683.940
	49.437.391.726	2.573.914.376.938	(562.510.722.951)	(1.997.816.546.913)	(14.424.493.043)	48.600.005.757

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2018 VND	Phân loại VND	31/3/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.792.564.658	(15.562.200.629)	10.230.364.029
Các loại thuế khác	29.941.702	1.137.707.586	1.167.649.288
	25.822.506.360	(14.424.493.043)	11.398.013.317

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Chi phí dự phòng thuế	36.097.467.662	36.097.467.662
Chi phí vận chuyển	10.324.342.051	35.712.412.522
Chi phí lương và thưởng	15.643.400.000	23.755.410.000
Chi phí lãi vay	7.295.439.097	12.021.671.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.605.600.000	733.191.060
Chi phí tiền điện	938.697.119	9.412.829.611
Chi phí khác	-	123.200.000
	73.904.945.929	117.856.182.101

24. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	222.980.404.215	136.756.103.216
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	124.413.328.193	25.996.753.725
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.787.650.099	8.371.520.000
Cổ tức phải trả	4.323.342.525	4.494.873.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	384.881.220	6.272.088.850
Phải trả khác	10.460.518.572	9.540.672.270
	379.350.124.824	191.432.011.486

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	2.777.200.000	1.256.027.397
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	401.233.095	191.558.095
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	21.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	19.500.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	319.600.000

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2018		31/3/2019		
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	8.801.119.898.344	8.787.722.508.437	(10.770.979.093.520)	(4.575.440.001)	6.813.287.873.260
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	174.491.250.325	12.763.114.000	(157.593.028.825)	-	29.661.335.500
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	35.365.884.710	7.914.900.448	(18.408.649.264)	-	24.872.135.894
	9.010.977.033.379	8.808.400.522.885	(10.946.980.771.609)	(4.575.440.001)	6.867.821.344.654

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Bên thứ ba				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.248.250.636.435	2.111.233.891.694
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	955.612.019.039	1.186.079.616.308
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.054.314.381.565	966.390.647.671
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	595.717.855.387	691.858.095.360
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	1.009.100.214.433	1.098.415.797.951
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	408.466.309.431
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	784.110.244.247	1.035.502.713.540
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(v)	USD	453.293.426.538	148.320.106.584
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	VND	30.312.004.580	390.501.383.564
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	USD	248.157.174.728	85.035.839.658
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	138.532.027.601	135.900.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	VND	125.500.000.000	134.418.629.258
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	(ix)	USD	73.489.410.263	-
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(x)	USD	43.898.478.444	-
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	VND	-	125.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(xii)	VND	-	108.024.412.792
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	(xiii)	VND	-	105.972.454.533
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	VND	-	17.000.000.000
Bên liên quan				
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn – một công ty con	(xv)	VND	53.000.000.000	53.000.000.000
			6.813.287.873.260	8.801.119.898.344

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 3.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng và chịu lãi suất năm từ 6,5% đến 6,6% cho khoản vay bằng VND và 3,8% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: 5,5% cho khoản vay bằng VND và từ 2,7% đến 2,9% cho khoản vay bằng USD).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức là 2.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 6,3% đến 6,6% cho khoản vay bằng VND và từ 3,6% đến 3,7% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: từ 5,3% đến 5,9% cho khoản vay bằng VND và từ 2,7% đến 3% cho khoản vay bằng USD).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức là 2.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng phải thu của khách hàng và chịu lãi suất năm là 6% cho khoản vay bằng VND (1/10/2018: từ 5,5% đến 5,85% cho khoản vay bằng VND và từ 3,5% đến 3,9% cho khoản vay bằng USD).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức là 50 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, được bảo đảm bằng hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và chịu lãi suất năm là từ 5,2% đến 6,44% (1/10/2018: từ 4,5% đến 4,8%).
- (v) Khoản vay này có hạn mức là 500.000 triệu VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 3,6% đến 4,3% (1/10/2018: 3,2%).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức là 1.000.000 triệu VND, được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 6,4% cho khoản vay bằng VND và 3,7% cho khoản vay bằng USD (1/10/2018: từ 5,5% đến 5,9% cho khoản vay bằng VND và 2,9% cho khoản vay bằng USD).
- (vii) Khoản vay này có hạn mức là 6 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 5% đến 5,9% (1/10/2018: 5%).
- (viii) Khoản vay này có hạn mức là 6 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 6,35% (1/10/2018: từ 4,2% đến 4,5%).
- (ix) Khoản vay này có hạn mức là 300.000 triệu VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 5,2%.
- (x) Khoản vay này có hạn mức là 6,6 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 4%.
- (xi) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 5,6%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xii) Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và quyền sử dụng đất và chịu lãi suất năm là từ 5,2% đến 6,5%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xiii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 3%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xiv) Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 5,61%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (xv) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm là 5,8% (1/10/2018: 5%).

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Vay dài hạn	72.236.150.780	230.087.939.605
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	32.713.385.894	51.122.035.158
	<hr/> 104.949.536.674	<hr/> 281.209.974.763
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(54.533.471.394)	(209.857.135.035)
	<hr/> 50.416.065.280	<hr/> 71.352.839.728

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2019 VND	1/10/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(i)	VND	2022	62.094.315.280	72.094.315.280
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(ii)	VND	2020	5.838.286.000	9.396.578.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	(iii)	VND	2019	4.303.549.500	9.291.229.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(iv)	VND	2019	-	135.924.771.861
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	(v)	VND	2019	-	3.381.044.964
				<hr/> 72.236.150.780	<hr/> 230.087.939.605

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng đảm bảo quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 8% (1/10/2018: 8%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là từ 9,9 đến 12,02% (1/10/2018: 8,7%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 10% (1/10/2018: 9%).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 9%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 8%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/3/2019		1/10/2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND
Trong vòng một năm	26.470.658.214	1.598.522.320	24.872.135.894	2.939.201.979
Trong vòng hai đến năm năm	8.325.251.156	484.001.156	7.841.250.000	952.674.041
	34.795.909.370	2.082.523.476	32.713.385.894	3.891.876.020
				51.122.035.158

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Số dư đầu kỳ	41.477.023.767	61.294.232.467
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	4.092.340.379	53.266.556.487
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết của năm trước	1.713.405.525	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.282.020.000)	(37.168.033.918)
Số dư cuối kỳ	46.000.749.671	77.392.755.036

27. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Trong kỳ không có biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.618.854.251.238	5.304.940.005.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	295.065.454.500	295.065.454.500
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(543.000.000)	-	-	(543.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	(53.266.556.487)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(11.729.004.329)	-	(11.729.004.329)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018	3.499.966.830.000	151.583.183.521	(543.000.000)	70.356.612.914	1.813.103.273.203	5.534.466.899.638
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	210.208.684.665	210.208.684.665
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	349.936.450.000	-	-	-	(349.936.450.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(800.000.000)	-	-	(800.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(349.957.383.000)	(349.957.383.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(9.846.862.358)	-	(9.846.862.358)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.323.418.124.868	5.384.071.338.945

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.323.418.124.868	5.384.071.338.945
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	143.456.046.037	143.456.046.037
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(272.000.000)	-	-	(272.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.092.340.379)	(4.092.340.379)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(8.862.860.866)	-	(8.862.860.866)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.615.000.000)	57.785.400.259	1.456.643.319.957	5.514.300.183.737

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, Công ty đã trích lập 1,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2019		1/10/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	384.990.328	3.849.903.280.000	384.990.328	3.849.903.280.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	161.500	1.615.000.000	134.300	1.343.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	384.828.828	3.848.288.280.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	31/3/2019		31/3/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	384.856.028	3.848.560.280.000	349.996.683	3.499.966.830.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(27.200)	(272.000.000)	(54.300)	(543.000.000)
Số dư cuối kỳ	384.828.828	3.848.288.280.000	349.942.383	3.499.423.830.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	164.071.110.153	120.530.357.667
Trong vòng hai đến năm năm	580.782.346.760	432.335.802.440
Trên năm năm	480.887.632.690	449.691.597.286
	<hr/>	<hr/>
	1.225.741.089.603	1.002.557.757.393
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2019		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.903.256	113.517.304.638	921.491	21.441.212.800
EUR	-	-	229	6.193.888
AUD	1	8.772	1	8.974
		<hr/>		<hr/>
		113.517.313.410		21.447.415.662
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/3/2019	1/10/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.039.536.010	12.968.628.192
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	14.174.409.890.035	20.122.036.927.899
▪ Bán thành phẩm	8.585.932.161.805	9.191.498.564.583
▪ Khác	42.591.492.246	31.884.194.597
	<hr/>	<hr/>
	22.802.933.544.086	29.345.419.687.079
	<hr/>	<hr/>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	7.331.526.648	86.729.016.051
▪ Hàng bán bị trả lại	6.525.819.437	11.139.619.355
▪ Giảm giá hàng bán	2.594.796.943	1.824.576.285
	<hr/>	<hr/>
	16.452.143.028	99.693.211.691
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	22.786.481.401.058	29.245.726.475.388
	<hr/>	<hr/>

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	13.829.557.091.843	19.454.854.918.516
▪ Thành phẩm đã bán	7.936.460.248.711	8.194.791.966.296
▪ Khác	4.908.885.270	8.146.584.153
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	633.999.181	(6.866.797.011)
	<hr/>	<hr/>
	21.771.560.225.005	27.650.926.671.954
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	130.967.308	168.843.735
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	6.611.574.339	8.036.143.858
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.069.248.867	22.303.463.586
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.697.514.005	-
	<hr/>	<hr/>
	30.509.304.519	30.508.451.179
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	214.016.646.350	228.290.720.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.240.190.506	30.409.044.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	11.944.096.959
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(35.933.075.667)
Chi phí tài chính khác	233.200.828	475.041.218
	<hr/>	<hr/>
	232.490.037.684	235.185.827.218
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	220.941.020.855	245.751.220.872
Chi phí xuất khẩu	224.229.679.684	231.363.862.697
Chi phí thuê	68.264.714.281	48.489.382.810
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.708.221.366	52.013.417.465
Chi phí quảng cáo	49.666.462.245	49.180.565.770
Chi phí vận chuyển	21.146.053.226	59.045.517.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.223.549.925	33.834.914.886
Chi phí khác	45.681.465.993	82.692.615.472
	<hr/>	<hr/>
	720.861.167.575	802.371.497.882
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	57.191.301.052	112.513.423.860
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.600.881.828	20.289.182.542
Chi phí thuê	16.669.504.338	16.637.840.474
Chi phí tiếp khách	6.168.820.348	12.086.105.409
Chi phí dịch vụ chuyên môn	4.461.205.211	5.565.100.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.678.691.277	31.128.647.385
Chi phí khác	18.185.177.626	35.159.548.285
	<hr/>	<hr/>
	143.955.581.680	233.379.848.287
	<hr/>	<hr/>

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	142.200.868.604	10.625.814.628
Tiền bồi thường thu được	1.417.280.146	11.916.097.562
Các khoản khác	96.360.595.945	3.199.807.387
	<hr/>	<hr/>
	239.978.744.695	25.741.719.577
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.260.170.583.736	8.240.939.221.733
Chi phí nhân công và nhân viên	313.628.659.177	416.445.743.193
Chi phí khấu hao và phân bổ	174.587.241.053	153.632.103.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.304.211.349	592.448.614.686
Chi phí khác	274.188.748.338	410.082.134.382

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	44.530.926.687	72.504.669.041
	44.530.926.687	72.504.669.041
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.182.286.777)	11.563.364.233
	41.348.639.910	84.068.033.274

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	184.804.685.947	379.133.487.774
Thuế theo thuế suất của Công ty	36.960.937.189	75.826.697.555
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.387.702.721	8.241.335.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.348.639.910	84.068.033.274

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.354.081.503.108	6.921.878.825.946
Mua hàng hóa và thành phẩm	6.636.152.899.638	7.479.995.422.607
Bán tài sản cố định	-	9.138.455.859
Trả lại hàng mua	297.325.320	1.378.888.455
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.469.322.417.463	2.368.058.101.504
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.591.865.361.556	1.998.109.156.956
Bán tài sản cố định	4.771.478.579	87.000.000
Doanh thu từ cho thuê tài sản	74.500.000	65.272.730
Mua tài sản cố định	1.389.200.000	-
Trả lại hàng mua	186.624.927	30.061.120
Hàng mua được giảm giá	23.786.381	-
Hàng bán bị trả lại	1.562.510.453	-
Thuê tài sản	-	54.545.460
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Doanh thu từ cho thuê tài sản	3.614.419.336	3.978.000.000
Chi phí vận chuyển	17.346.868.765	25.263.965.186
Mua tài sản cố định	2.657.188.816	100.000.000
Thuê tài sản	-	335.636.362
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.087.912.653	9.346.553.157
Mua hàng hóa và thành phẩm	723.264.411.347	516.748.062.658
Trả lại hàng mua	8.225.445	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019 VND	31/3/2018 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.452.405.642.072	5.252.304.812.268
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.780.978.618.001	3.777.035.652.798
Bán tài sản cố định	866.031.044	5.820.000.000
Doanh thu từ cho thuê tài sản	-	38.000.000
Mua tài sản cố định	1.138.870.440	-
Trả lại hàng mua	3.565.278.423	67.896.867
Hàng mua được giảm giá	210.069.346	88.501.301
Thuê tài sản	-	163.636.362
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội		
- Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	319.945.857.799	793.175.734.003
Mua hàng hóa và thành phẩm	413.970.416.197	490.648.828.284
Thu nhập từ tiền lãi	-	708.702.055
Góp vốn	350.000.000.000	120.000.000.000
Trả lại hàng mua	221.667.204	710.192.150
Hàng mua được giảm giá	269.601.509	-
Bán tài sản cố định	239.307.144	-
Thu nhập khác	68.053.769	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.593.567.477	404.490.944
Mua hàng hóa và thành phẩm	463.676.777.623	343.996.764.472
Bán tài sản	-	2.904.000.000
Cho thuê tài sản	171.000.000	-
Trả lại hàng mua	1.740.600	-
Hàng mua được giảm giá	-	3.090.909
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Thu nhập từ tiền lãi	2.301.410.039	2.918.086.194
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	52.076.501.703	197.218.930.577
Mua hàng hóa và thành phẩm	123.732.801.055	3.795.686.880
Thu nhập từ tiền lãi	-	360.292.657
Góp vốn	-	90.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn		
Lãi vay	1.521.172.603	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp		
Hoa Sen Du Long		
Thu nhập từ tiền lãi	200.237.246	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng		
Hoa Sen Yên Bái		
Bán thành phẩm và hàng hóa	22.166.043	1.536.634.985
Mua thành phẩm và hàng hóa	125.710.166.600	66.283.418.245
Thu nhập khác	23.327.184	-
Thu nhập từ tiền lãi	-	281.965.103
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.347.185.053.443	1.735.016.751.376
Mua hàng hóa và thành phẩm	439.739.893.113	1.323.909.747.617
Bán tài sản cố định	33.380.244.272	31.542.647.555
Chiết khấu thương mại	-	31.151.447.142
Doanh thu từ cho thuê tài sản	2.889.246.522	819.590.909
Chi phí thuê mặt bằng	2.827.744.593	223.636.362
Mua tài sản cố định	124.733.458.000	-
Mua công cụ, dụng cụ	28.620.455.838	-
Hàng bán bị trả lại	1.077.304.520	1.320.630.302
Giảm giá hàng bán	21.245.500	-
Các bên liên quan khác		
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	6.951.476.400	10.281.821.204
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.170.000.000	1.100.000.000

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chuyển đổi công nợ phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	418.564.000.000	178.418.124.847
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	358.392.102.244	523.652.307.794

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 và trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		31/3/2018 VND (đã phân loại lại)	31/3/2018 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	25	802.371.497.882	689.842.806.457
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	233.379.848.287	345.908.539.712

43. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, vào ngày 6 tháng 5 năm 2019, Công ty công bố một khoản cổ tức là 384.792 triệu VND được chi trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Số cổ tức chưa ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 5 năm 2019 cập nhật việc tăng vốn này.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
thường trực – điều hành